TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HS-PT
Ngày: 12-6-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

*Các Thẩm phán:*Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Huỳnh Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 59/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Võ Chế Q do có kháng cáo của bị hại Võ Văn M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

1. Bị cáo: Bùi Văn T, sinh ngày: 24/3/1987; nơi sinh: xã T, huyện T, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không đi học; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con của ông Bùi Văn S và bà Bùi Thị H; vợ: Nguyễn Thị Thảo P, sinh năm 1995 (đã ly hôn năm 2020); có 01 con chung, sinh năm 2014; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo được tại ngoại điều tra và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 30/8/2024 đến ngày 15/9/2024 (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo: Võ Chế Q (tên gọi khác: N), sinh ngày: 27/7/1993; nơi sinh: huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con của ông Võ Văn C và bà Phan Thị R; vợ tên Đoàn Thị Hồng N1, đã ly hôn năm 2023, có 01 con chung sinh năm 2014; hiện đã kết hôn với Phạm Ngọc T1; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: ngày

18/4/2022, bị Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC về hành vi "Ném vỏ chai bia thủy tinh vào nhà người khác" với số tiền 4.000.000 đồng, đóng phạt ngày 19/5/2022; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2024, đến ngày 08/10/2024 được bảo lĩnh cho tại ngoại đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. Bị hại có kháng cáo: Võ Văn M, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Số E, D, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị R và ông Lưu Văn Ú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 8/2022, ông Võ Văn M mua 01 máy Kobe nhãn hiệu Sumitomo SA120-03 màu vàng, bánh xích sắt và giao cho Võ Chế Q trực tiếp quản lý, thuê tài xế và tìm công việc làm cho máy Kobe. Bùi Văn T được thuê làm tài xế lái máy Kobe trên, đến khoảng tháng 03/2023, ông M nghi ngờ Q gian dối ông trong việc quản lý và sử dụng máy Kobe của M nên ông M lấy lại máy K không cho Q làm nữa, trước khi nghỉ Q vẫn còn giữ một chìa khóa nắp cabo theo máy Kobe của anh M. Sau đó, ông M giao máy Kobe trên lại cho anh Lưu Văn Ú quản lý, trực tiếp thuê tài xế và tìm công việc làm cho máy Kobe, lúc này thì Bùi Văn T vẫn được Ú tiếp tục thuê làm tài xế lái máy Kobe. Đến tháng 4/2023, thì Ú và Tấn xảy ra mâu thuẫn do Ú nghi ngờ T và Q kê giá tiền khi mua K cho ông M nên Ú không thuê T làm tài xế nữa, sau đó Ú thuê anh Trần Tuấn A làm tài xế lái máy Kobe thay T. Đến chiều ngày 22/7/2023, T và Ú tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau qua điện thoại về việc T điện thoại không cho Tuấn A làm tài xế lái máy Kobe cho Ú. Đến chiều tối ngày 22/7/2023, Tuấn A sau khi lái máy Kobe của M múc đất xong thì nghỉ và đậu máy Kobe tại phần ruộng của ông M tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An. Ú và Đăng ngủ dưới phà sắt đậu dưới sông cách đó khoảng 150 mét. Đến khoảng hơn 17 giờ ngày 22/7/2023, T một mình điều khiển xe mô tô biển số 62E1-298.33 đến nhà Võ Chế Q tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An chơi. Tại đây T kể lại cho Q nghe sự việc T vừa cự cãi với Ú về việc Ú nói T, Q kê giá tiền khi mua K cho anh M và T ngăn cản không cho Tuấn A làm tài xế lái máy Kobe cho Ú, lúc này bà Phan Thị R (mẹ ruột Q) có nói với Q "chuyện của anh T và Ú làm gì làm con đừng nhúng tay vô". Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở Q cùng đi chơi đánh bida tại chợ T2 thuộc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi đánh bida xong thì T và Q cùng đi ăn hủ tiếu gõ tại ngã tư đèn xanh, đèn đỏ tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô chở T về nhà của Q, khi về đến nhà của Q thì lúc này T và Q nảy sinh ý định cố ý làm hư hỏng xe Kobe của anh M, Q hỏi T "cát với đường bỏ vào máy K thì K bị hư hỏng gì?", T nói với Q "cát với đường bỏ vào bình nhớt máy Kobe khi máy hoạt

động thì cát làm mài mòn máy (cốt), đường nóng lên kẹo lại gây lột dên máy". Sau đó, T và Q thống nhất cùng lấy cát trộn với đường bỏ vào máy Kobe của ông M để cố ý làm hư hỏng xe Kobe của ông M. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T lấy một bọc nylon, loại bọc nylon màu trắng, trong suốt, có hai quay xách, thường dùng để đựng ly nước mía do bà Phan Thị R, là mẹ của Q có bán nước mía nên có sẵn trên xe nước mía, T đi ra đống cát cặp cửa trước nhà Q lấy khoảng một chén (loại chén ăn cơm) cát, loại cát xây dựng bỏ vào túi nilon, sau đó, T đi vào đưa túi nhựa có chứa cát cho Q, Q lấy đường cát trắng có sẵn tại nhà bếp của Q bỏ vào bọc nilon có sẵn cát, Q trộn đều cát và đường lẫn vào nhau, khi đi Q mang theo 01 chìa khóa nắp cabo xe Kobe của ông M do trước đây Q làm cho ông M nên vẫn còn giữ chìa khóa. Sau đó, T và Q cùng đi bộ hướng vào kênh H, đi qua kênh H1 bằng chiếc trẹt bằng gỗ và đi bộ dọc theo đường hầm đất hướng vào chỗ đậu máy Kobe của ông M tại khu đất ruộng của ông M tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An, cách nhà Q khoảng 01km. Khi đến nơi, lúc này khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, T và Q quan sát thấy không có người trông giữ xe Kobe nên T và Q cùng leo lên mui của xe K1, T lấy chìa khóa mở nắp cabo xe Kobe ra, Q đứng giữ nắp cabo, T mở nắp bình nhớt động cơ xe Kobe và dùng tay xé rách một phần dưới của bọc nilon đổ một phần cát và đường (khoảng 02 muỗng canh nhỏ) trong bọc nilon vào trong bình nhớt động cơ máy Kobe, sau đó, T vặn nắp bình đựng nhớt động cơ máy K và khóa nắp cabo lại. Sau đó, T lấy cờ lê 17 có sẵn trong hộp đựng chìa khóa Kobe, Tấn vặn mở ốc khóa bình đựng nhớt bơm thủy lực máy K ra, T dùng tay cầm bịch nylon đựng cát và đường còn lại đổ hết vào bình nhớt bơm thủy lực máy Kobe. Sau đó, T và Q vặn ốc khóa bình nhớt lại và đi bộ theo đường cũ về nhà của Q, T điều khiển xe mô tô về nhà T. Đến ngày 23/7/2023 thì máy Kobe nghỉ làm 01 ngày. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 24/7/2023, Đ lên máy Kobe kiểm tra nhớt máy K và khởi động thử động cơ máy Kobe thì Đ nghe tiếng động cơ hoạt động không bình thường, chạy không đều nên thông báo cho anh Ú biết, anh Ú kiểm tra máy Kobe thì nhìn thấy xung quanh miệng bình nhớt động cơ máy Kobe có nhiều cát, loại cát xây dựng nên Ú điện thoại thông báo cho ông M biết. Đến ngày 28/7/2023, Ú đến Công an xã K, huyện T, tỉnh Long An trình báo sự việc trên.

Qua điều tra Bùi Văn T và Võ Chế Q thừa nhận toàn bộ hành vi cùng nhau thống nhất thực hiện hành vi cố ý làm hư hỏng xe Kobe của ông Võ Văn M như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Long An kết luận: 60 lít nhớt, nhãn hiệu CATER PETROLIMEX, đã qua sử dụng, có giá trị 5.460.000 đồng.

Tại Bản Kết luận giám định số 5260/KL-KTHS ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh Bộ C1 kết luận: Tinh thể màu đen, trắng đựng trong 01 túi nilon ký hiệu 1 và dung dịch màu nâu đen đựng trong 01 chai nhựa ký hiệu 3, gửi giám định đều có tìm thấy thành

phần đường và cát; dung dịch màu nâu đen đựng trong 01 chai nhựa ký hiệu 2 gửi giám định không tìm thấy thành phần đường và cát.

Tại Bản Kết luận giám định số 673/KL-KTHS ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh Bộ C1 kết luận: không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định; tiếng nói của người nam (ký hiệu "Tấn" trong "BẢN DỊCH NỘI DUNG") trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Bùi Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra; tiếng nói của người nam (ký hiệu "Quyên" trong "BẢN DỊCH NỘI DUNG") trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Võ Chế Q trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra; nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (BẢN DỊCH NỘI DUNG).

Tại Bản Kết luận giám định số 2052/KL-KTHS ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh Bộ C1 kết luận: không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định; tiếng nói của người nam (ký hiệu "Tấn" trong "BẢN DỊCH NỘI DUNG") trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Bùi Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra; tiếng nói của người nam (ký hiệu "Quyên" trong "BẢN DỊCH NỘI DUNG") trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Võ Chế Q trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra; nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (BẢN DỊCH NỘI DUNG).

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKSTT, ngày 08/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố các bị cáo Bùi Văn T, Võ Chế Q phạm vào tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Võ Chế Q phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

2. Về hình phạt chính:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Bùi Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/02/2025).

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Võ Chế Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/02/2025).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, bị hại ông Võ Văn M kháng cáo với nội dung sau: Tăng hình phạt, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Võ Chế Q và chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại, buộc bị cáo Q phải có trách nhiệm chính trong việc bồi thường số tiền 260.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T và Q thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Bị hại ông Võ Văn M kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Võ Chế Q và chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại, buộc bị cáo Q phải có trách nhiệm chính trong việc bồi thường số tiền 260.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị hại trong thời gian luật định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. nên đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo T và Q đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan.

Xét kháng cáo của bị hại: Bị hại kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để chứng minh yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân tỉnh Long

An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Vào tối ngày 22/7/2023, Bùi Văn T và Võ Chế Q thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là máy Kobe nhãn hiệu Sumitomo SA120-03 của ông Võ Văn M đang đậu tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An. Q và T đã thực hiện hành hiện hành vi bỏ cát trộn lẫn với đường vào bình nhớt động cơ và bình nhớt bơm thủy lực máy Kobe nhãn hiệu Sumitomo SA120-03 của ông M, mục đích làm hư hỏng xe Kobe của ông M. Sau khi sửa, lọc nhớt, thay nhớt xong xe của ông M vẫn hoạt động được bình thường. Tuy nhiên, cát và đường đã làm hư hỏng 60 lít nhớt nhãn hiệu CATER PETROLIMEX trong bình nhớt của xe, dẫn đến nhớt không sử dụng được, có giá trị 5.460.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Võ Chế Q phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, không oan đối với các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị hại nhận thấy:

[3.1] Việc bị hại yêu cầu tăng hình phạt: Các bị cáo Bùi Văn T, Võ Chế Q phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T và Q theo quy định tại điểm b, i và s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, các bị cáo T và Q đều bị cấp sơ thẩm xử phạt 06 tháng tù là tương xứng hành vi phạm tội của các bị cáo. Việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo T và Q được hưởng án treo là có căn cứ. Bởi vì, các bị cáo T và Q đều có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; các bị cáo đều là những người làm thuê, phạm tội do nông nổi nhất thời từ việc mâu thuẩn trong việc làm thuê nên có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của bị hại. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm không buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo 01 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp và hoàn toàn có căn cứ. Bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo cũng như đề nghị không cho bị cáo Q được hưởng án treo là không phù hợp với nguyên tắc xử lý theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 3 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị hại Võ Văn M.

[3.2] Về trách nhậm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại kháng cáo yêu cầu các bị cáo T và Q phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại M số tiền 200.000.000đ từ thiệt hại về hợp đồng mua bán xe Kobe do các bị cáo gây thiệt hại về tài sản nên ông M phải trả cọc cho ông Ú 100.000.000đ và bị phạt cọc 100.000.000đ. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét buộc và ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo T và Q về việc liên đới bồi thường cho bị hại M số tiền là 106.000.000đ. Các khoản thiệt hại (ngoài số tiền đã tự nguyện bồi thường

27.000.000đ trước khi xét xử sơ thẩm), còn bồi thường tiếp tổng cộng 73.600.000đ. Gồm:

+ Ghi nhận các bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp 12.600.000đ tiền thay nhớt, sửa xe và chi phí ăn uống công thợ 02 lần (tổng cộng đủ 39.600.000đ theo yêu cầu của bị hại) và tự nguyện bồi thường 2.000.000đ chi phí thuê người giữ phương tiện trong 10 ngày.

+ Buộc các bị cáo T và Q tiếp tục bồi thường mất thu nhập 02 tháng 59.000.000đ tiền mất thu nhập trong 02 tháng (thời điểm xe bị hỏng, bị tạm giữ điều tra và sửa chữa).

[3.3] Xét các khoản tiền cấp sơ thẩm đã xác định ghi nhận và buộc các bị cáo T và Q bồi thường là có căn cứ. Bị hại M chỉ yêu cầu thêm thiệt hại về hợp đồng mua bán xe Kobe do các bị cáo gây thiệt hại về tài sản nên ông M phải trả cọc cho ông Ú 100.000.000đ và bị phạt cọc 100.000.000đ, do xe hư nên không thực hiện được việc tiếp tục hợp đồng mua bán xe. Xét thấy, việc các bị cáo làm hư hỏng tài sản của ông M dẫn đến việc ông M không mua bán xe được làm ảnh hưởng thu nhập của bị hại M trong 02 tháng (từ khi bị thiệt hại đến khi sửa chữa xong) nên cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải bồi thường 59.000.000đ là có căn cứ, có lợi cho ông M. Vì trước khi thỏa thuận bán xe Kobe thì ông M cho thuê xe với mức thuê là 25.000.000đ (theo chính lời trình bày của ông M). Do đó, sau khi sửa chữa xe xong thì ông M hoàn toàn có thể tiếp tục hợp đồng mua bán xe và hoặc tiếp tục cho thuê thì không phát sinh trách nhiệm của các bị cáo T và Q. Riêng việc ông M không tiếp tục hợp đồng mua bán xe với ông Ú và thỏa thuận trả cọc, phạt cọc là ý chí thỏa thuận giữa các bên. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu này của ông M là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của bị hại M.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại Võ Văn M. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Tuy nhiên, cách tuyên án của cấp sơ thẩm chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử sửa cách tuyên án cho phù hợp và đảm bảo cho việc thi hành bản án.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Võ Văn M; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo.

2. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Võ Chế Q phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

2. Về hình phạt chính:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Bùi Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/02/2025).

Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Võ Chế Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/02/2025).

Giao bị cáo Võ Chế Q cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

2.3 Trường hợp người được hưởng án treo là bị cáo T và bị cáo Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 228, Điều 584, Điều 585 và Điều 587 Bộ luật Dân sự:

3.1. Ghi nhận các bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp 12.600.000đ tiền thay nhớt, sửa xe và tự nguyện bồi thường 2.000.000đ chi phí thuê người giữ phương tiện.

3.2. Buộc các bị cáo T và Q tiếp tục bồi thường mất thu nhập trong 02 tháng là 59.000.000đ (thời điểm xe bị hỏng, bị tạm giữ điều tra và sửa chữa).

3.3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại Võ Văn M buộc bị cáo Bùi Văn T và Võ Chế Q liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 260.000.000 đồng, gồm: tiền sửa xe 50.000.000đ; 200.000.000đ phát sinh từ hợp đồng dặt cọc và số tiền 10.000.000đ tiền thuê lao động giữ xe.

5. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

5.1. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Võ Chế Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.155.000đ (hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Bùi Văn T được miễn án phí. Buộc ông Võ Văn M phải chịu 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Về án phí phúc thẩm: Bị hại Võ Văn M phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông M đã nộp theo biên lai số 0003497 ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang khoản phải thi hành án, ông M đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an khu vực;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Khánh